

Số: 50 /TB-DHTN

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo AUN-QA 4.0

Kính gửi: Lãnh đạo các Khoa

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 – 2030”;

Căn cứ Quyết định số 674/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Công nhận hoạt động của tổ chức ASEAN University Network – Quality Assurance (AUN-QA) tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030” năm 2024, 2025;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-DHTN-TCCB ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2020-2027, định hướng 2035;

Căn cứ hướng dẫn về hoạt động tự đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA 4.0 và thông báo của AUN về việc nhận hồ sơ đăng ký đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn AUN-QA cho năm 2026;

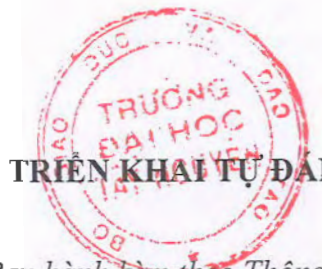
Dựa trên tình hình thực tế và yêu cầu về công tác Bảo đảm và kiểm định chất lượng CTĐT của Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2025-2030. Để hoạt động tự đánh giá CTĐT được tiến hành thống nhất và đạt chất lượng, Nhà trường ban hành Hướng dẫn “TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN CỦA AUN-QA 4.0” (kèm theo thông báo này). Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vui lòng liên hệ phòng Quản lý chất lượng để được hỗ trợ./

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Các PHT (để b/c);
- Lãnh đạo các Khoa (để thực hiện);
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, QLCL.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Lê Đức Niêm



HƯỚNG DẪN

TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN CỦA AUN-QA 4.0

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 50.../TB-ĐHTN ngày 28/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Mục đích:

- Hướng dẫn chi tiết các bước thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 4.0, từ việc chuẩn bị dữ liệu, thu thập minh chứng đến xây dựng báo cáo Tự Đánh Giá (SAR - Self-Assessment Report).
- Tăng cường năng lực quản lý và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo thông qua việc tự đánh giá có hệ thống và có cơ sở dữ liệu rõ ràng.
- Hỗ trợ cơ sở giáo dục trong việc nâng cao uy tín và vị thế trong khu vực Đông Nam Á thông qua việc đạt chuẩn AUN-QA.
- Tạo tiền đề cho hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng, đồng thời cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch cho các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng...).

2. Nguyên tắc tự đánh giá:

2.1. Đảm bảo tính khách quan, minh bạch và có căn cứ

- Tính khách quan: Mọi nhận định trong Báo cáo Tự Đánh Giá (SAR) cần dựa trên dữ liệu thực tế và minh chứng rõ ràng.
- Tính minh bạch: Quá trình thu thập dữ liệu và viết báo cáo cần được công khai và có sự tham gia của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, nhà quản lý...).
- Tính có căn cứ: Tất cả đánh giá và nhận xét trong báo cáo đều cần dựa trên dữ liệu định lượng, định tính và minh chứng cụ thể.

2.2. Áp dụng Chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act)

Chu trình P-D-C-A là nền tảng của hoạt động tự đánh giá và cải tiến chất lượng trong AUN-QA.

Bước	Nội dung
P (Plan) – Lập kế hoạch	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, xác định tiêu chí, phân công nhiệm vụ và thu thập dữ liệu.
D (Do) – Thực hiện	Triển khai thu thập dữ liệu, tổ chức khảo sát, phân tích và đánh giá tình hình thực tế của chương trình đào tạo.

Bước	Nội dung
C (Check) – Kiểm tra	Đối chiếu kết quả thực hiện với mục tiêu và chuẩn đầu ra. Đánh giá mức độ đạt được và các hạn chế.
A (Act) – Cải tiến	Đề xuất giải pháp cải tiến và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục các điểm tồn tại và nâng cao chất lượng chương trình.

2.3. Một số nguyên tắc khác cần tuân thủ

- Lấy người học làm trung tâm: Toàn bộ quá trình tự đánh giá phải hướng đến việc cải thiện trải nghiệm và kết quả học tập của sinh viên.
- Chú trọng số liệu định lượng và định tính: Bên cạnh những phân tích định tính, báo cáo cần sử dụng dữ liệu thống kê để làm căn cứ đánh giá.
- Liên tục cải tiến chất lượng: Tự đánh giá không phải là hoạt động một lần mà là quá trình liên tục để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.
- Tham chiếu với các tiêu chuẩn bên ngoài: Có thể tham khảo các bộ tiêu chuẩn trong nước và quốc tế để đối sánh và nâng cao năng lực cạnh tranh của chương trình đào tạo.

II. KHÁI QUÁT VỀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO BỘ TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0

1. Cấu trúc bộ tiêu chuẩn AUN-QA 4.0

Phiên bản AUN-QA 4.0 được tổ chức theo cấu trúc 3 nhóm tiêu chuẩn với 8 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí, tập trung vào mối liên hệ giữa đầu vào, quá trình và đầu ra, cụ thể theo bảng dưới đây:

Nhóm Tiêu chuẩn	Nội dung đánh giá
Nhóm 1 – Chương trình	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4: Liên quan đến việc thiết kế và triển khai chương trình đào tạo
Nhóm 2 – Nguồn lực	Tiêu chuẩn 5, 6, 7: Liên quan đến các nguồn lực bảo đảm chất lượng (giảng viên, hỗ trợ người học, cơ sở vật chất)
Nhóm 3 – Kết quả	Tiêu chuẩn 8: Đánh giá kết quả đạt được, mức độ hài lòng và tác động của chương trình đối với cộng đồng

➤ Nhóm 1: Chương trình đào tạo

1. Tiêu chuẩn 1 – Chuẩn đầu ra (Expected Learning Outcomes):

- o Đảm bảo sự liên kết giữa tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu đào tạo.
- o Xây dựng chuẩn đầu ra (ELOs) bao gồm cả kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm.

- ELOs phải đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và phù hợp với xu hướng thị trường lao động.
- 2. Tiêu chuẩn 2 – Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (Programme Structure and Content):**
- Cấu trúc chương trình phải hợp lý, logic, đảm bảo tính liên kết giữa các học phần.
 - Nội dung cần được cập nhật thường xuyên theo xu hướng ngành nghề và yêu cầu thị trường lao động.
- 3. Tiêu chuẩn 3 – Phương thức dạy và học (Teaching and Learning Approach):**
- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm.
 - Khuyến khích sinh viên phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề.
- 4. Tiêu chuẩn 4 – Đánh giá kết quả học tập của người học (Student Assessment):**
- Hệ thống đánh giá cần đa dạng, minh bạch và công bằng.
 - Đảm bảo rằng sinh viên đạt được chuẩn đầu ra (ELOs) thông qua các hình thức đánh giá linh hoạt (bài kiểm tra, đồ án, luận văn...).

📌 **Nhóm 2: Các nguồn lực**

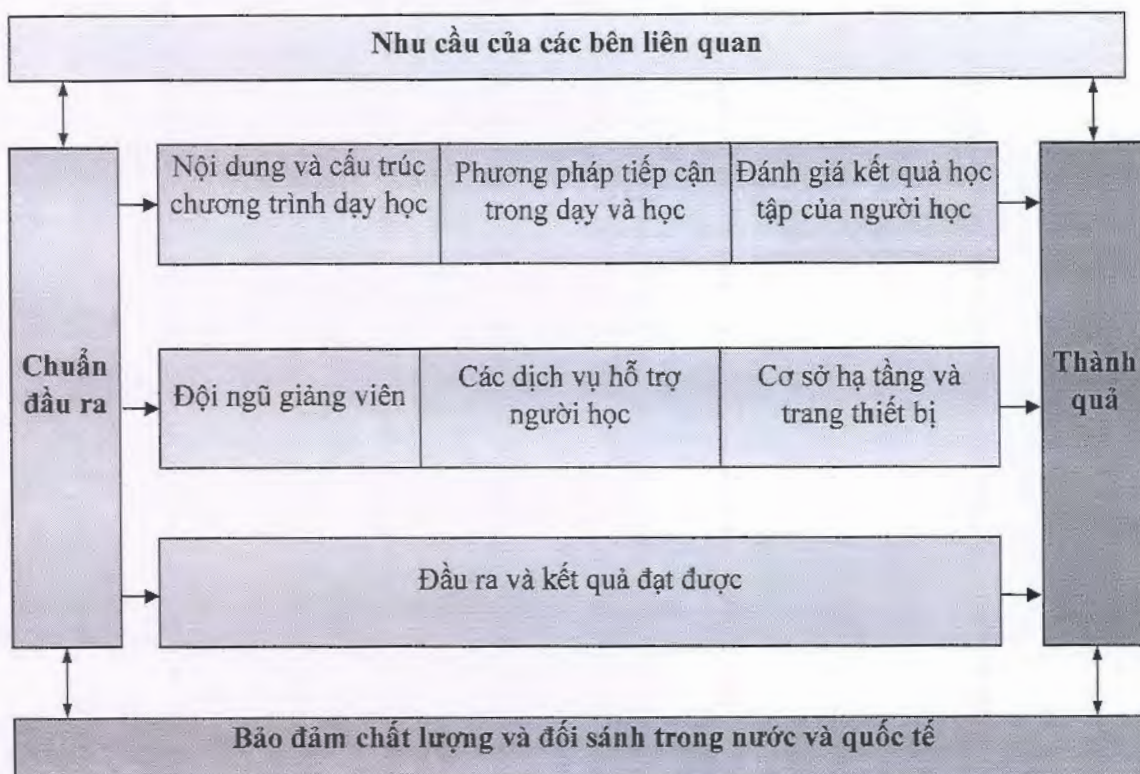
- 5. Tiêu chuẩn 5 – Đội ngũ giảng viên (Academic Staff):**
- Giảng viên cần có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo về phương pháp giảng dạy hiện đại.
 - Có cơ chế bồi dưỡng và phát triển năng lực giảng viên để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.
- 6. Tiêu chuẩn 6 – Dịch vụ hỗ trợ người học (Student Support Services):**
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn học tập, hướng nghiệp, tư vấn tâm lý và hỗ trợ sinh viên khuyết tật.
 - Đảm bảo sinh viên có môi trường học tập và sinh hoạt thuận lợi.
- 7. Tiêu chuẩn 7 – Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị (Facilities and Infrastructure):**
- Đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu.
 - Trang bị đầy đủ thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học hiện đại và hệ thống Công nghệ thông tin hỗ trợ giảng dạy.

📌 **Nhóm 3: Kết quả đạt được**

- 8. Tiêu chuẩn 8 – Đầu ra và kết quả đạt được (Output and Outcomes):**
- Theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp, tình hình việc làm và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng.

- Đánh giá mức độ đóng góp của chương trình đối với cộng đồng và xã hội.
- Đánh giá hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học và kết quả sáng tạo của giảng viên và sinh viên.

2. Mô hình AUN-QA dựa trên việc kết hợp giữa đầu vào (Input), quá trình (Process) và đầu ra (Output) với nguyên lý PDCA (Plan – Do – Check – Act).



- **Xác định nhu cầu các bên liên quan:** Sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng, xã hội.
- **Xây dựng chuẩn đầu ra (ELOs):** Dựa trên phân tích nhu cầu và xu hướng phát triển.
- **Thiết kế chương trình đào tạo:** Đảm bảo tính logic, tích hợp và bám sát ELOs.
- **Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá:** Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực và đánh giá minh bạch.
- **Đảm bảo nguồn lực:** Đội ngũ giảng viên, dịch vụ hỗ trợ và cơ sở vật chất đầy đủ.
- **Theo dõi kết quả đầu ra:** Bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp, việc làm và mức độ hài lòng.
- **Cải tiến liên tục:** Dựa trên kết quả đánh giá để điều chỉnh chương trình và phương pháp giảng dạy.

Để triển khai hiệu quả công tác TĐG CTĐT, các đơn vị, các CTĐT cần lưu ý các nguyên tắc sau:

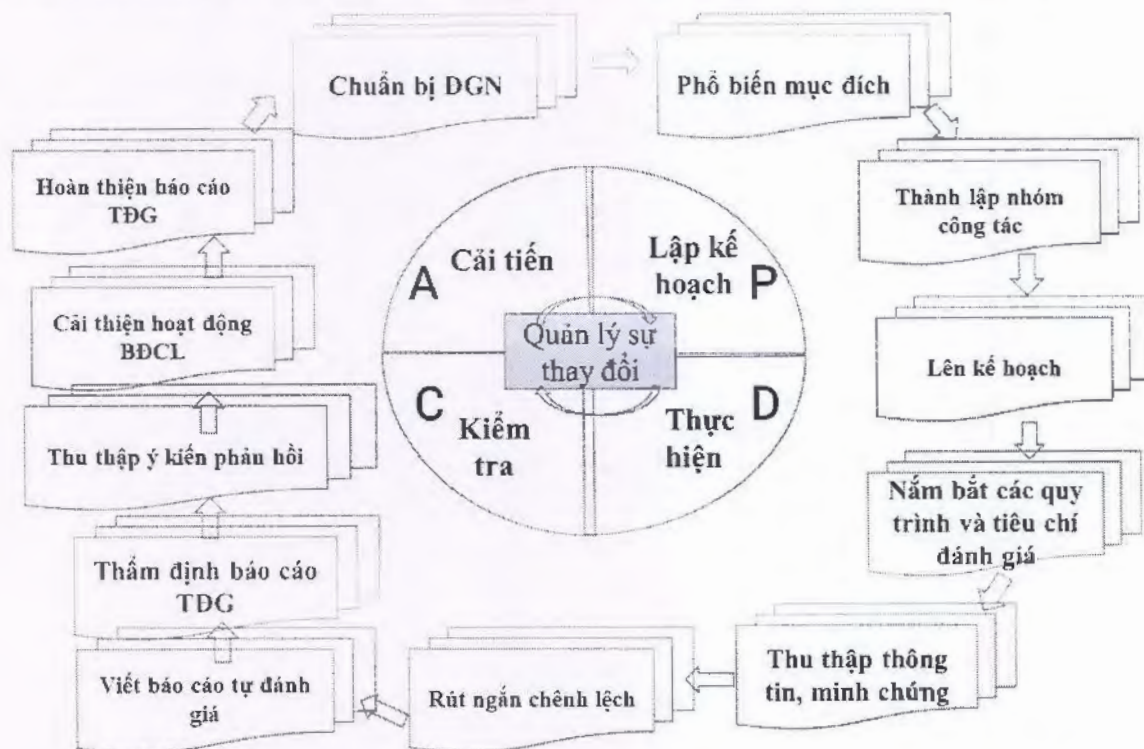
- Mục tiêu TĐG cần được xác định rõ, cụ thể hóa thành các chuỗi hoạt động mang tính hệ thống, có sự phân công thực hiện rõ ràng;
- Các hoạt động phải được thực hiện dựa trên nguyên tắc khách quan, trung thực, công khai, minh bạch, bao quát hoạt động của đơn vị;

Chữ ký

- Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình TĐG phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, bảo đảm độ tin cậy;

Đánh giá về các kết quả đạt được cần thể hiện:

- Hiện trạng mức độ đạt được của các kết quả;
- Xu hướng phát triển: kết quả thể hiện được mức độ cải tiến hoạt động của đơn vị hoặc cho thấy sự phát triển bền vững của các hoạt động;
- Đối sánh kết quả: so sánh kết quả hoạt động của đơn vị với các đối tượng phù hợp, ví dụ như tổ chức cạnh tranh hoặc tổ chức tương tự đơn vị;
- Việc tổ chức các hoạt động được triển khai bám sát và thể hiện được nguyên lý P-D-C-A trong đánh giá chất lượng đào tạo, bao gồm: lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra - giám sát và cải tiến chất lượng. Các hoạt động cụ thể của từng bước trong quy trình thực hiện TĐG được tóm tắt trong mô hình được trình bày ở hình dưới đây:



Quy trình Plan-Do-Check-Act (PDCA) trong quá trình tự đánh giá CTĐT

3. Thang đánh giá chất lượng CTĐT (thang điểm 7)

Mức điểm	Mô tả
1	Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu – Cần có giải pháp khắc phục ngay.
2	Không đáp ứng yêu cầu – Cần cải tiến nhiều để đạt tiêu chí.
3	Chưa đạt nhưng chỉ cần cải tiến nhỏ – Đáp ứng gần đủ tiêu chí nhưng cần chỉnh sửa một số điểm.

Handwritten signature

Mức điểm	Mô tả
4	Đáp ứng đầy đủ yêu cầu (Mức đạt yêu cầu) – Thực hiện đúng yêu cầu của tiêu chí.
5	Đáp ứng tốt hơn mong đợi – Hiệu suất cao hơn yêu cầu, có kết quả tốt và bền vững.
6	Đáp ứng rất tốt (Hình mẫu về chất lượng) – Hoạt động đạt hiệu quả xuất sắc và có xu hướng phát triển.
7	Xuất sắc (Đạt chuẩn quốc tế) – Là hình mẫu về chất lượng, hoạt động đạt đẳng cấp quốc tế.

👉 Lưu ý:

- Mức 1 – 3: Chưa đạt yêu cầu → Cần cải tiến.
- Mức 4 – 7: Đạt yêu cầu → Cần duy trì và phát triển.

III. HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Thực hiện đánh giá CTĐT dựa trên 8 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí theo hướng dẫn của AUN-QA 4.0:

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí
1. Chuẩn đầu ra (Expected Learning Outcomes)	5
2. Cấu trúc và nội dung CTĐT (Programme Structure and Content)	7
3. Phương pháp giảng dạy và học tập (Teaching and Learning Approach)	6
4. Đánh giá kết quả học tập (Student Assessment)	7
5. Đội ngũ giảng viên (Academic Staff)	8
6. Dịch vụ hỗ trợ người học (Student Support Services)	6
7. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị (Facilities and Infrastructure)	9
8. Đầu ra và kết quả đạt được (Output and Outcomes)	5

Tiêu chuẩn 1: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Expected Learning Outcomes - ELOs)

Mục tiêu: Đảm bảo rằng Chuẩn Đầu Ra (CDR) của chương trình đào tạo được xây dựng và thực hiện theo định hướng mục tiêu giáo dục, phù hợp với sứ mệnh của cơ sở đào tạo và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. CDR đóng vai trò là nền tảng định hướng trong việc thiết kế nội dung chương trình, lựa chọn phương pháp giảng dạy và xây dựng phương thức đánh giá kết quả học tập của người học.

Tiêu chí 1.1. Kết quả học tập mong đợi (CDR) của CTĐT được xây dựng căn cứ trên một hệ thống phân loại mục tiêu giáo dục, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan.

📊 Phân tích nội dung:

- Kết quả học tập mong đợi (CDR) cần phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở đào tạo (CSGD).
- CDR phải được thiết kế theo một hệ thống phân loại học tập (như Bloom's Taxonomy hoặc SOLO Taxonomy) để đảm bảo tính khoa học và khả năng đo lường.
- CDR phải được công khai và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng...).

▣ Minh chứng gợi ý:

- Tài liệu về sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường và khoa.
- Danh sách chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Bảng đối chiếu giữa CDR và sứ mệnh, tầm nhìn của CSGD.
- Biên bản họp xây dựng và phê duyệt CDR.
- Tài liệu phổ biến CDR đến sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng (email, hội thảo, cổng thông tin...).

Tiêu chí 1.2. CDR của tất cả các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với CDR của CTĐT.

▣ Phân tích nội dung:

- Mỗi học phần trong chương trình đào tạo cần góp phần trực tiếp vào việc đạt được CDR chung của chương trình.
- Sự liên kết giữa CDR của từng học phần (Course Learning Outcomes - CLOs) và CDR của chương trình (PLOs) phải rõ ràng.
- Đảm bảo tính liên kết dọc (từ mục tiêu tổng quát đến mục tiêu cụ thể) và liên kết ngang giữa các học phần.

▣ Minh chứng gợi ý:

- Ma trận liên kết giữa CDR chương trình (PLOs) và CDR của từng học phần (CLOs).
- Đề cương môn học có chỉ rõ CDR từng học phần và phương pháp đánh giá.
- Bản đồ học phần (Curriculum Mapping) thể hiện mối liên hệ giữa môn học và CDR chương trình.
- Biên bản họp hội đồng khoa về việc phê duyệt hoặc cập nhật nội dung học phần.

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT bao gồm các phần tổng quát (liên quan đến kỹ năng giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT, làm việc nhóm,...) và phần chuyên ngành (liên quan đến kiến thức và kỹ năng của ngành đào tạo).

▣ Phân tích nội dung:

- CDR cần đảm bảo sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn phát triển các kỹ năng mềm và phẩm chất cần thiết cho môi trường làm việc.
- Phần tổng quát bao gồm các kỹ năng như: giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phân biện, giải quyết vấn đề và sử dụng công nghệ thông tin.
- Phần chuyên ngành tập trung vào kiến thức sâu rộng và kỹ năng thực hành trong lĩnh vực đào tạo.

▣ Minh chứng gợi ý:

- Danh sách CDR phân loại theo kỹ năng tổng quát và kỹ năng chuyên ngành.
- Đề cương môn học thể hiện tích hợp kỹ năng mềm vào chương trình giảng dạy.
- Bảng thống kê các hoạt động ngoại khóa và hội thảo kỹ năng dành cho sinh viên.
- Bằng chứng về các môn học hoặc dự án tích hợp kỹ năng mềm và chuyên môn.

Tiêu chí 1.4. Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài, được thu thập và chuyển tải vào kết quả học tập mong đợi (CDR).

Phân tích nội dung:

- Quá trình xây dựng và cập nhật CĐR cần có sự tham gia của các bên liên quan trong và ngoài CSGD, đặc biệt là các đơn vị sử dụng lao động và cựu sinh viên.
- Thường xuyên khảo sát nhu cầu của thị trường lao động để điều chỉnh CĐR phù hợp.
- Đảm bảo rằng CĐR đáp ứng yêu cầu thực tế của nhà tuyển dụng và các hiệp hội nghề nghiệp.

Minh chứng gợi ý:

- Biên bản họp, khảo sát hoặc hội thảo lấy ý kiến từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và hiệp hội nghề nghiệp.
- Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát và cách thức điều chỉnh CĐR dựa trên phản hồi.
- Tài liệu minh chứng sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.
- Bảng so sánh CĐR với yêu cầu của thị trường lao động.

Tiêu chí 1.5. CTĐT thể hiện người học đạt được kết quả học tập mong đợi tại thời điểm tốt nghiệp.

Phân tích nội dung:

- Cần có minh chứng rằng sinh viên đã đạt được các CĐR trước khi tốt nghiệp.
- Đánh giá mức độ đạt được CĐR thông qua nhiều hình thức: kiểm tra, đồ án tốt nghiệp, thực tập, báo cáo nghiên cứu...
- Theo dõi kết quả sau tốt nghiệp để kiểm chứng tính hiệu quả của chương trình.

Minh chứng gợi ý:

- Thống kê tỷ lệ sinh viên đạt được CĐR sau khi tốt nghiệp (tỷ lệ việc làm, tỷ lệ học lên cao, tỷ lệ khởi nghiệp thành công...).
- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về mức độ đáp ứng CĐR.
- Hồ sơ tốt nghiệp mẫu, báo cáo đồ án, luận văn và kết quả thực tập sinh viên.
- Tài liệu đánh giá luận văn hoặc sản phẩm thực tế của sinh viên.
- Các cuộc thi hoặc giải thưởng mà sinh viên đã đạt được trong lĩnh vực chuyên môn.

Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (Programme Structure and Content)

Mục tiêu: Đảm bảo rằng chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế theo cấu trúc logic, có tính tích hợp và linh hoạt, phù hợp với kết quả học tập mong đợi (CĐR) và yêu cầu của thị trường lao động. Chương trình cần cung cấp đầy đủ thông tin, dễ dàng tiếp cận và liên tục được cập nhật dựa trên phản hồi từ các bên liên quan.

Tiêu chí 2.1. Các bản mô tả CTĐT và đề cương tất cả các học phần đầy đủ thông tin, cập nhật, được công bố công khai và tất cả các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Phân tích nội dung:

- Mỗi học phần cần có đề cương chi tiết, bao gồm: mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá và tài liệu tham khảo.
- Toàn bộ chương trình đào tạo cần có bản mô tả tổng quát về nội dung, cấu trúc và khối lượng học tập.
- Tài liệu phải được cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên cổng thông tin của trường/khoa để giảng viên, sinh viên và các bên liên quan dễ dàng truy cập.

Chữ ký

Minh chứng gợi ý:

- Bản mô tả chương trình đào tạo (Curriculum Specification).
- Đề cương chi tiết tất cả các học phần (Course Syllabus).
- Công thông tin điện tử hoặc tài liệu minh chứng việc công khai CTDH.
- Biên bản cập nhật nội dung học phần và chương trình đào tạo.

Tiêu chí 2.2. CTDH được thiết kế tương thích với kết quả học tập mong đợi.

Phân tích nội dung:

- Cần đảm bảo rằng nội dung từng học phần đóng góp vào việc đạt được CDR chung của chương trình đào tạo.
- Sự liên kết giữa CDR chương trình (PLOs) và CDR từng học phần (CLOs) phải được thể hiện rõ ràng.
- Nội dung giảng dạy cần phù hợp với khung năng lực được xác định trong CDR.

Minh chứng gợi ý:

- Ma trận liên kết giữa PLOs và CLOs.
- Bản đồ học phần (Curriculum Mapping) thể hiện sự liên kết giữa các học phần và CDR.
- Đề cương môn học với phần mô tả mối liên hệ giữa CLOs và PLOs.
- Biên bản họp hội đồng khoa hoặc tổ chuyên môn phê duyệt nội dung học phần.

Tiêu chí 2.3. Thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là các đối tượng bên ngoài, được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

Phân tích nội dung:

- Cần có quy trình thu thập và phân tích ý kiến từ các bên liên quan, đặc biệt là từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và hiệp hội nghề nghiệp.
- Thông tin phản hồi được sử dụng để điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên hiện tại.
- Biên bản họp hội đồng khoa về việc điều chỉnh chương trình dựa trên phản hồi từ các bên liên quan.
- Tài liệu chứng minh sự tham gia của các bên liên quan trong việc xây dựng hoặc cập nhật chương trình đào tạo.

Tiêu chí 2.4. Mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được kết quả học tập mong đợi được xác định rõ ràng.

Phân tích nội dung:

- Cần làm rõ vai trò của từng học phần trong việc giúp người học đạt được các PLOs.
- Sử dụng các công cụ như bản đồ học phần hoặc ma trận liên kết để minh họa mức độ đóng góp (ví dụ: mức độ "Giới thiệu", "Củng cố", "Thành thạo").

Minh chứng gợi ý:

- Ma trận liên kết học phần – CDR (Curriculum Mapping Matrix).
- Ví dụ về đề cương môn học có chỉ rõ PLOs mà môn học đóng góp.
- Biên bản phê duyệt và rà soát ma trận liên kết của hội đồng khoa hoặc tổ chuyên môn.

Tiêu chí 2.5. CTDH có cấu trúc logic, trình tự hợp lý (các học phần được sắp xếp từ kiến thức cơ bản đến cơ sở và chuyên ngành) và có tính tích hợp.

Chud

Phân tích nội dung:

- Các học phần cần được sắp xếp theo trình tự hợp lý: từ môn học đại cương đến môn chuyên ngành và thực hành.
- Đảm bảo rằng sinh viên nắm vững kiến thức nền trước khi tiếp cận nội dung nâng cao.
- Tích hợp các học phần liên quan để sinh viên có cái nhìn toàn diện và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế.

Minh chứng gợi ý:

- Bản đồ chương trình đào tạo (Curriculum Flowchart) thể hiện trình tự các học phần.
- Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo theo năm học và học kỳ.
- Đề cương môn học có quy định rõ học phần tiên quyết và học phần song hành.

Tiêu chí 2.6. CTDH cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc các chuyên ngành phụ.

Phân tích nội dung:

- Chương trình đào tạo cần cung cấp sự linh hoạt để sinh viên có thể chọn chuyên ngành chính hoặc chuyên ngành phụ phù hợp với định hướng nghề nghiệp.
- Các học phần tự chọn cần đa dạng và có khả năng hỗ trợ sinh viên phát triển các năng lực đặc thù.

Minh chứng gợi ý:

- Danh mục các chuyên ngành chính và chuyên ngành phụ trong chương trình đào tạo.
- Danh sách các học phần tự chọn và hướng dẫn sinh viên chọn môn.
- Biên bản phê duyệt chuyên ngành phụ và các chương trình tích hợp từ hội đồng khoa.

Tiêu chí 2.7. CTDH được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Phân tích nội dung:

- Cần có kế hoạch và quy trình cụ thể để rà soát chương trình đào tạo định kỳ (thường 2-3 năm/lần).
- Việc rà soát cần dựa trên phản hồi từ sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và dữ liệu về nhu cầu lao động.
- Đảm bảo rằng CTDH luôn cập nhật với xu hướng mới và nhu cầu của thị trường.

Minh chứng gợi ý:

- Quy trình và lịch trình rà soát chương trình đào tạo.
- Biên bản các cuộc họp rà soát CTDH và kết luận điều chỉnh (nếu có).
- Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu thị trường và các thay đổi áp dụng vào CTDH.
- Ví dụ về sự thay đổi nội dung học phần hoặc bổ sung môn học mới sau các đợt rà soát.

Tiêu chuẩn 3: Phương pháp giảng dạy và học tập (Teaching and Learning Approach)

Mục tiêu: Đảm bảo rằng phương pháp giảng dạy và học tập không chỉ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức mà còn rèn luyện kỹ năng, tư duy phân biện và tinh thần sáng tạo. Phương pháp này phải hướng tới việc phát triển khả năng tự học, học tập suốt đời và thích nghi với sự thay đổi của thị trường lao động.

Tiêu chí 3.1. *Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học.*

Phân tích nội dung:

- Cơ sở đào tạo cần có triết lý giáo dục rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường.
- Triết lý giáo dục phải hướng tới phát triển toàn diện người học, bao gồm kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức.
- Triết lý này cần được phổ biến đến giảng viên, sinh viên và các bên liên quan, đồng thời phải được áp dụng vào các hoạt động dạy và học.

Minh chứng gợi ý:

- Văn bản triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo.
- Các tài liệu tuyên truyền, hội thảo, hoặc buổi sinh hoạt chuyên đề về triết lý giáo dục.
- Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương môn học thể hiện sự lồng ghép triết lý giáo dục vào nội dung giảng dạy.
- Hình ảnh hoặc video minh họa các hoạt động giảng dạy theo định hướng triết lý giáo dục.

Tiêu chí 3.2. *Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm.*

Phân tích nội dung:

- Sinh viên cần được khuyến khích tham gia tích cực vào quá trình học tập, không chỉ đơn thuần là người tiếp thu mà còn là người đồng hành trong việc kiến tạo tri thức.
- Các hoạt động giảng dạy cần tạo môi trường để sinh viên chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình.
- Các hình thức như thảo luận nhóm, dự án, tình huống thực tế nên được sử dụng để rèn luyện tinh thần trách nhiệm.

Minh chứng gợi ý:

- Kế hoạch giảng dạy có tích hợp các hoạt động nhóm, thảo luận và dự án thực tế.
- Ví dụ bài tập nhóm, dự án nghiên cứu hoặc các hoạt động ngoại khóa mang tính trách nhiệm cao.
- Đánh giá từ sinh viên về mức độ tham gia và tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động học tập.
- Minh chứng về các hoạt động cộng đồng, ngoại khóa có sự tham gia của sinh viên.

Tiêu chí 3.3. *Các hoạt động dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động.*

Phân tích nội dung:

- Học tập chủ động giúp sinh viên trở thành người kiến tạo tri thức thay vì chỉ tiếp nhận thụ động.
- Phương pháp dạy học nên hướng đến việc kích thích tư duy phân biện, sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu.
- Sử dụng phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning - PBL), học dựa trên dự án (Project-Based Learning), và các hình thức thảo luận mở.

Minh chứng gợi ý:

- Giáo án, bài giảng có tích hợp các phương pháp PBL, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống.
- Bài tập nghiên cứu, tiểu luận và đồ án sinh viên được thực hiện dưới hình thức tự chủ.
- Kết quả khảo sát sinh viên về mức độ chủ động trong quá trình học.
- Báo cáo các cuộc thi học thuật, nghiên cứu khoa học hoặc hackathon có sự tham gia của sinh viên.

Tiêu chí 3.4. Các hoạt động dạy và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời. (VD: tư duy phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới).

Phân tích nội dung:

- Mục tiêu không chỉ là giúp sinh viên hoàn thành chương trình mà còn trang bị kỹ năng tự học và tinh thần học tập suốt đời.
- Cần lồng ghép các bài tập phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và xử lý thông tin.
- Khuyến khích sinh viên thử nghiệm các phương pháp học mới và tham gia nghiên cứu độc lập.

Minh chứng gợi ý:

- Nội dung giảng dạy và bài tập thúc đẩy tư duy phản biện và sáng tạo.
- Danh sách các hội thảo, seminar về kỹ năng tự học và học suốt đời.
- Sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên (bài báo, bài thuyết trình, mô hình, sản phẩm sáng tạo...).
- Bằng chứng về việc sinh viên tham gia các khóa học trực tuyến hoặc các khóa bồi dưỡng ngoài chương trình chính.

Tiêu chí 3.5. Các hoạt động dạy và học giúp người học thẩm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.

Phân tích nội dung:

- Môi trường học tập cần khuyến khích sinh viên đưa ra ý tưởng mới, đổi mới sáng tạo và tham gia vào các hoạt động khởi nghiệp.
- Cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi, và hội thảo về khởi nghiệp và sáng tạo.
- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và lập kế hoạch kinh doanh.

Minh chứng gợi ý:

- Danh sách và hình ảnh minh họa các cuộc thi khởi nghiệp, sáng tạo mà sinh viên tham gia.
- Hồ sơ các dự án, sản phẩm sáng tạo và ý tưởng kinh doanh của sinh viên.
- Chứng nhận, giải thưởng từ các cuộc thi sáng tạo hoặc khởi nghiệp.
- Biên bản hội thảo, buổi tọa đàm về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Tiêu chí 3.6. Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.

Phân tích nội dung:

- Cần có hệ thống phản hồi và đánh giá định kỳ về hiệu quả của phương pháp giảng dạy.
- Quá trình cải tiến phải dựa trên thông tin phản hồi từ sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

Chữ ký

- Mục tiêu cuối cùng là đảm bảo rằng chương trình và phương pháp giảng dạy luôn bắt kịp với xu hướng và yêu cầu thị trường lao động.

■ Minh chứng gợi ý:

- Biên bản họp đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy.
- Kết quả khảo sát từ sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về phương pháp dạy và học.
- Kế hoạch cải tiến định kỳ của trường/khoa dựa trên phản hồi từ các bên liên quan.
- Ví dụ về những điều chỉnh trong nội dung môn học, phương pháp giảng dạy sau khi có phản hồi.

Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập của người học (Student Assessment)

Mục tiêu: Đảm bảo rằng hệ thống đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế một cách khoa học, minh bạch và công bằng, góp phần đo lường chính xác mức độ đạt được **kết quả học tập mong đợi (CĐR)**. Phương pháp đánh giá cần đa dạng, phản ánh đúng năng lực của người học và đảm bảo khả năng thích ứng với nhu cầu của thị trường lao động.

Tiêu chí 4.1. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng đa dạng; được thiết kế phù hợp với kết quả học tập mong đợi và các mục tiêu đào tạo.

■ Phân tích nội dung:

- Đánh giá kết quả học tập cần kết hợp nhiều hình thức như: kiểm tra viết, bài thuyết trình, thảo luận nhóm, dự án thực tế, bài tập tình huống, thực tập và luận văn tốt nghiệp.
- Mỗi phương pháp đánh giá phải phù hợp với **CĐR của học phần** và chương trình đào tạo.
- Đảm bảo đánh giá đầy đủ các khía cạnh: kiến thức, kỹ năng và thái độ.

■ Minh chứng gợi ý:

- Đề cương môn học thể hiện rõ hình thức và trọng số đánh giá.
- Bộ đề thi, bài tập lớn, dự án, bài luận và thuyết trình mẫu.
- Minh chứng về các phương pháp đánh giá sáng tạo như bài tập tình huống (case study), thảo luận nhóm, phản biện, v.v.
- Hồ sơ các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và sản phẩm đầu ra của sinh viên (báo cáo thực tập, luận văn...).

Tiêu chí 4.2. Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.

■ Phân tích nội dung:

- Cần có **quy chế đánh giá** công khai, quy định rõ về:
 - Cách tính điểm tổng kết.
 - Hình thức đánh giá (bài thi, tiểu luận, đồ án, thuyết trình...).
 - Chính sách phúc khảo và khiếu nại kết quả đánh giá.
- Sinh viên và giảng viên đều phải được phổ biến quy chế này để đảm bảo tính minh bạch và nhất quán trong đánh giá.

■ Minh chứng gợi ý:

- Quy chế đánh giá và phúc khảo đã được phê duyệt.
- Văn bản phổ biến quy chế đến sinh viên và giảng viên (email, website, buổi sinh hoạt đầu khóa...).
- Biên bản phúc khảo và xử lý khiếu nại (nếu có).

Amh

- Mẫu đơn phúc khảo và hướng dẫn quy trình phúc khảo.

Tiêu chí 4.3. Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.

Phân tích nội dung:

- Quy định rõ về:
 - Thời gian và hình thức đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.
 - Tiêu chí đánh giá từng học phần và luận văn tốt nghiệp.
 - Quy trình xét điều kiện tốt nghiệp (ví dụ: yêu cầu thực tập, khóa luận, chuẩn đầu ra ngoại ngữ...).
- Đảm bảo sinh viên nắm rõ cách thức và yêu cầu trong từng giai đoạn học tập.

Minh chứng gợi ý:

- Tài liệu hướng dẫn về tiêu chuẩn và quy trình đánh giá toàn khóa học.
- Quy định và hướng dẫn về luận văn tốt nghiệp, thực tập và bảo vệ đồ án.
- Lịch thi và lịch nộp bài được phổ biến công khai.
- Biên bản các buổi phổ biến quy trình và tiêu chuẩn đánh giá đến sinh viên.

Tiêu chí 4.4. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, các mốc thời gian và các quy định được sử dụng để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của hoạt động kiểm tra đánh giá.

Phân tích nội dung:

- Cần có **bảng tiêu chí đánh giá** (rubric) và thang điểm chi tiết cho từng loại bài tập, bài thi.
- Quy định thời gian rõ ràng cho các hoạt động đánh giá (nộp bài, bảo vệ, chấm thi...).
- Đảm bảo tính khách quan và công bằng trong đánh giá bằng việc sử dụng **hội đồng chấm thi, chấm chéo** hoặc **ẩn danh** khi cần.

Minh chứng gợi ý:

- Bảng tiêu chí đánh giá chi tiết (rubric) cho từng loại bài tập, bài thi, thuyết trình, luận văn...
- Thang điểm chuẩn và hướng dẫn chấm điểm.
- Lịch trình đánh giá và thời gian trả kết quả cho sinh viên.
- Quy định về quy trình chấm thi, chấm chéo và giám sát kỳ thi.

Tiêu chí 4.5. Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được kết quả học tập của CTĐT và mỗi học phần.

Phân tích nội dung:

- Phương pháp đánh giá không chỉ đo lường kết quả từng học phần mà còn phản ánh mức độ đạt được CDR toàn chương trình.
- Sử dụng các công cụ như: bài kiểm tra năng lực đầu vào, khảo sát giữa khóa và khảo sát đầu ra để so sánh mức độ tiến bộ của sinh viên.
- Thực hiện đánh giá thông qua các dự án liên ngành, luận văn và các hoạt động thực tế để đánh giá khả năng vận dụng kiến thức.

Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo đánh giá tổng hợp mức độ đạt CDR sau từng học kỳ và sau khi tốt nghiệp.
- Số liệu thống kê điểm số và tỷ lệ sinh viên đạt CDR theo từng năm.
- Hồ sơ bài kiểm tra đầu vào, giữa khóa và cuối khóa.

Handwritten signature

- Kết quả khảo sát cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng CDR của sinh viên sau khi ra trường.

Tiêu chí 4.6. Thông tin phản hồi kết quả đánh giá được cung cấp kịp thời đến người học.

Phân tích nội dung:

- Cần có cơ chế trả kết quả đánh giá đúng thời hạn để sinh viên kịp điều chỉnh kế hoạch học tập.
- Giảng viên cần cung cấp phản hồi chi tiết về bài làm của sinh viên để giúp sinh viên cải thiện trong tương lai.
- Đảm bảo quyền lợi sinh viên trong việc tiếp cận kết quả và phản hồi thắc mắc.

Minh chứng gợi ý:

- Lịch trình trả điểm và phản hồi bài kiểm tra.
- Mẫu phản hồi chi tiết của giảng viên về bài tập, bài thi hoặc luận văn.
- Biên bản các buổi trao đổi giữa giảng viên và sinh viên về kết quả học tập.
- Kênh thông tin chính thức để sinh viên tra cứu điểm (công thông tin điện tử, email...).

Tiêu chí 4.7. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.

Phân tích nội dung:

- Cần có quy trình rà soát định kỳ hệ thống đánh giá và điều chỉnh nếu cần thiết.
- Lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và các bên liên quan để điều chỉnh nội dung và phương pháp đánh giá.
- Đảm bảo rằng phương pháp đánh giá luôn bám sát yêu cầu thực tế và xu hướng mới của thị trường lao động.

Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo rà soát hệ thống đánh giá học tập định kỳ (hàng năm hoặc theo chu kỳ).
- Biên bản họp hội đồng khoa hoặc tổ chuyên môn về điều chỉnh phương pháp đánh giá.
- Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng về tính hiệu quả của hệ thống đánh giá.
- Ví dụ về các thay đổi trong phương pháp đánh giá dựa trên phản hồi từ các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên (Academic Staff)

Mục tiêu: Đảm bảo đội ngũ giảng viên (GV) có đủ số lượng, chất lượng và năng lực chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống quản lý giảng viên cần đảm bảo sự phát triển nghề nghiệp, quyền lợi và trách nhiệm của giảng viên, cũng như tạo điều kiện để họ nâng cao năng lực và đóng góp tốt nhất vào sự phát triển của cơ sở giáo dục.

Tiêu chí 5.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm các kế hoạch kế nhiệm, nâng bậc/thăng chức, bố trí lại, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện nhằm đảm bảo đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng về cả số lượng và chất lượng.

Phân tích nội dung:

- Cơ sở giáo dục cần có chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên để đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài.

Handwritten signature

- Chính sách quy hoạch bao gồm: kế hoạch tuyển dụng, thăng chức, đào tạo bổ sung, điều chỉnh nhân sự và chính sách nghỉ hưu.
- Đảm bảo giảng viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu trong từng lĩnh vực chuyên môn.

Minh chứng gợi ý:

- Chiến lược phát triển nhân sự và quy hoạch đội ngũ giảng viên.
- Hồ sơ tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng chức và nghỉ hưu của giảng viên.
- Biên bản họp về kế hoạch nhân sự của khoa/trường.
- Báo cáo thống kê số lượng giảng viên theo từng bộ môn, chuyên ngành.

Tiêu chí 5.2. Tài trọng công việc của GV được đo lường và giám sát để cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Phân tích nội dung:

- Định lượng khối lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu và các nhiệm vụ khác để đảm bảo sự cân bằng.
- Hệ thống theo dõi và đánh giá để điều chỉnh hợp lý khối lượng công việc.
- Giảm tải hợp lý để giảng viên có đủ thời gian phát triển nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

Minh chứng gợi ý:

- Quy định về định mức giảng dạy và khối lượng công việc của giảng viên.
- Báo cáo giám sát tài trọng công việc của giảng viên hàng năm.
- Biên bản họp về phân bổ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên về khối lượng công việc.

Tiêu chí 5.3. Năng lực của GV được xác định, được đánh giá và được phổ biến thông tin.

Phân tích nội dung:

- Cần có hệ thống đánh giá năng lực giảng viên dựa trên bằng cấp, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực nghiên cứu và kỹ năng sư phạm.
- Giảng viên cần được đánh giá thường xuyên và có lộ trình phát triển năng lực.
- Kết quả đánh giá cần được công khai minh bạch và sử dụng để cải thiện chất lượng giảng dạy.

Minh chứng gợi ý:

- Tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên.
- Hồ sơ đánh giá giảng viên hàng năm.
- Bảng phân loại năng lực giảng viên theo chuyên môn, kinh nghiệm và công bố khoa học.
- Biên bản họp hội đồng đánh giá giảng viên.

Tiêu chí 5.4. GV được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng.

Phân tích nội dung:

- Việc phân công giảng dạy cần dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và năng lực thực tế của giảng viên.
- Cần có chính sách điều chỉnh phân công giảng dạy khi cần thiết.
- Đảm bảo sự công bằng và hợp lý trong phân công công việc giữa các giảng viên.

Minh chứng gợi ý:

- Danh sách phân công giảng dạy của giảng viên theo từng học kỳ.
- Hồ sơ giảng viên kèm theo bằng cấp, chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy.

- Biên bản họp hội đồng khoa về phân công giảng viên.
- Khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên về sự phù hợp của công việc được giao.

Tiêu chí 5.5. Có hệ thống đánh giá để nâng bậc cho GV, trong đó có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Phân tích nội dung:

- Cơ sở đào tạo cần có hệ thống đánh giá giảng viên công khai và minh bạch.
- Tiêu chí nâng bậc giảng viên cần dựa trên nhiều yếu tố như giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đóng góp cho cộng đồng và kỹ năng lãnh đạo.
- Đảm bảo tính công bằng và khuyến khích giảng viên phấn đấu.

Minh chứng gợi ý:

- Quy định về tiêu chí nâng bậc và xét duyệt thăng chức giảng viên.
- Hồ sơ đánh giá giảng viên theo từng năm.
- Biên bản họp xét duyệt nâng bậc của hội đồng khoa/trường.
- Thống kê danh sách giảng viên được nâng bậc theo từng năm.

Tiêu chí 5.6. Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, các mối liên hệ và trách nhiệm giải trình của GV được xác định và hiểu rõ, trong đó có xem xét đến quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp.

Phân tích nội dung:

- Quy định rõ về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của giảng viên.
- Đảm bảo quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp trong giảng dạy và nghiên cứu.
- Cung cấp các chính sách hỗ trợ cho giảng viên về điều kiện làm việc và phát triển chuyên môn.

Minh chứng gợi ý:

- Quy chế về quyền và trách nhiệm của giảng viên.
- Tài liệu phổ biến về đạo đức nghề nghiệp trong giảng dạy và nghiên cứu.
- Khảo sát giảng viên về mức độ hài lòng với quyền lợi và điều kiện làm việc.

Tiêu chí 5.7. Có hệ thống xác định nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của GV và các hoạt động đào tạo, tập huấn phù hợp được triển khai để đáp ứng những nhu cầu này.

Phân tích nội dung:

- Cơ sở đào tạo cần có hệ thống đánh giá và xác định nhu cầu phát triển chuyên môn của giảng viên.
- Thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, tập huấn về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kỹ năng công nghệ, v.v.
- Đảm bảo giảng viên có cơ hội học tập và phát triển chuyên môn liên tục.

Minh chứng gợi ý:

- Kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho giảng viên.
- Danh sách các hội thảo, tập huấn đã tổ chức.
- Chứng nhận tham gia tập huấn của giảng viên.
- Báo cáo khảo sát nhu cầu đào tạo của giảng viên.

Tiêu chí 5.8. Việc quản lý hiệu quả công việc của GV (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV.

Phân tích nội dung:

- Cần có hệ thống đánh giá hiệu suất làm việc của giảng viên dựa trên các tiêu chí cụ thể.
- Chính sách khen thưởng và ghi nhận thành tích của giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Đảm bảo giảng viên có động lực làm việc và phát triển.

▣ Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo đánh giá giảng viên theo từng năm.
- Hồ sơ khen thưởng và công nhận thành tích.
- Danh sách các giảng viên có đóng góp xuất sắc trong giảng dạy và nghiên cứu.
- Chính sách đãi ngộ và hỗ trợ giảng viên.

Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học (Student Support Services)

Mục tiêu: Đảm bảo rằng người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ trong suốt quá trình học tập, bao gồm hỗ trợ học thuật, tâm lý, hướng nghiệp và các hoạt động ngoại khóa. Các dịch vụ này cần được quản lý hiệu quả, giám sát chặt chẽ và cải tiến liên tục nhằm tạo môi trường học tập thuận lợi và nâng cao khả năng thành công của người học sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 6.1. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học vào chương trình được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến rộng rãi và cập nhật.

▣ Phân tích nội dung:

- Quy trình tuyển sinh cần minh bạch, công bằng và tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tiêu chí tuyển chọn người học phải phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu vào.
- Thông tin tuyển sinh cần được phổ biến rộng rãi và cập nhật kịp thời để sinh viên có đầy đủ thông tin.

▣ Minh chứng gợi ý:

- Quy chế tuyển sinh của trường/khoa.
- Tiêu chí xét tuyển đầu vào (điểm chuẩn, yêu cầu năng lực đầu vào...).
- Hồ sơ tiếp nhận sinh viên và tài liệu hướng dẫn nhập học.
- Bảng chứng về việc công khai thông tin tuyển sinh (website, tài liệu quảng bá, hội thảo...).
- Biên bản họp về cập nhật chính sách tuyển sinh.

Tiêu chí 6.2. Công tác quy hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với hoạt động hỗ trợ người học (học thuật, phi học thuật) được triển khai nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng.

▣ Phân tích nội dung:

- Cần có kế hoạch hỗ trợ người học về mặt học thuật và phi học thuật (tâm lý, sức khỏe, tài chính...).
- Đảm bảo các dịch vụ hỗ trợ đủ năng lực phục vụ toàn bộ sinh viên trong cả ngắn hạn và dài hạn.
- Cần có kế hoạch hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia hoạt động cộng đồng và nâng cao kỹ năng mềm.

▣ Minh chứng gợi ý:

- Kế hoạch chiến lược và kế hoạch thường niên về dịch vụ hỗ trợ người học.

- Hồ sơ về các hoạt động hỗ trợ học thuật (tư vấn học tập, hỗ trợ nghiên cứu, khóa học kỹ năng...).
- Hồ sơ về các hoạt động phi học thuật (hỗ trợ tâm lý, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa...).
- Biên bản họp và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

Tiêu chí 6.3. Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học. Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học được ghi nhận và giám sát một cách có hệ thống; có phản hồi tới người học và có các hoạt động khắc phục được triển khai khi cần.

Phân tích nội dung:

- Phải có hệ thống quản lý học tập (LMS) hoặc phần mềm theo dõi tiến độ học tập, điểm số và lịch trình học của sinh viên.
- Cần có cơ chế cảnh báo sớm đối với sinh viên có kết quả học tập yếu hoặc có nguy cơ không hoàn thành chương trình đúng hạn.
- Sinh viên cần được nhận phản hồi kịp thời và có cơ hội điều chỉnh kế hoạch học tập khi cần.

Minh chứng gợi ý:

- Phần mềm quản lý học tập (LMS) hoặc hệ thống quản lý sinh viên (MIS).
- Báo cáo về tiến độ và kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ.
- Chính sách hỗ trợ sinh viên có kết quả học tập yếu (lớp phụ đạo, cố vấn học tập...).
- Mẫu báo cáo giám sát tải trọng học tập và kết quả của sinh viên.
- Biên bản tư vấn học tập và kế hoạch cải thiện kết quả học tập cho sinh viên.

Tiêu chí 6.4. Các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác được triển khai nhằm giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm cho người học.

Phân tích nội dung:

- Triển khai các dịch vụ tư vấn học tập, hướng nghiệp và kỹ năng mềm để hỗ trợ sinh viên nâng cao năng lực toàn diện.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ sinh viên và chương trình thi đua để phát triển kỹ năng xã hội.
- Phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức các chương trình thực tập, hội chợ việc làm và các khóa huấn luyện kỹ năng phỏng vấn.

Minh chứng gợi ý:

- Lịch tổ chức các hoạt động tư vấn học tập và hướng nghiệp.
- Danh sách các câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa và chương trình thi đua.
- Báo cáo về kết quả thực tập sinh viên và tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau tốt nghiệp.
- Chứng chỉ tham gia hội thảo, khóa đào tạo kỹ năng mềm hoặc hoạt động tình nguyện.
- Thống kê số lượng sinh viên tham gia hoạt động hướng nghiệp và khảo sát mức độ hài lòng.

Tiêu chí 6.5. Năng lực của cán bộ hỗ trợ triển khai các dịch vụ dành cho người học được xác định rõ trong tiêu chí tuyển dụng và phân công nhiệm vụ. Các năng lực này được đánh giá để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Vai trò và mối liên hệ được xác định rõ để đảm bảo các dịch vụ được triển khai nhịp nhàng.

Chữ ký

Phân tích nội dung:

- Tiêu chí tuyển dụng và phân công nhiệm vụ cho cán bộ hỗ trợ sinh viên cần rõ ràng và phù hợp với từng vị trí công việc.
- Phải có hệ thống đánh giá năng lực và hiệu suất làm việc của cán bộ hỗ trợ sinh viên.
- Đảm bảo sự phối hợp giữa các phòng ban trong việc triển khai dịch vụ hỗ trợ người học.

Minh chứng gợi ý:

- Bảng mô tả công việc và tiêu chí tuyển dụng cán bộ hỗ trợ sinh viên.
- Danh sách cán bộ hỗ trợ và bảng phân công nhiệm vụ.
- Hồ sơ đánh giá năng lực và hiệu suất làm việc của cán bộ.
- Báo cáo về mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ.
- Biên bản họp liên quan đến việc tổ chức và phối hợp dịch vụ hỗ trợ sinh viên.

Tiêu chí 6.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.

Phân tích nội dung:

- Cần có quy trình đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên định kỳ.
- Thực hiện khảo sát ý kiến sinh viên về mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ và dựa trên đó để cải tiến.
- Đối sánh dịch vụ hỗ trợ với các trường cùng ngành hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế để xác định điểm mạnh và điểm yếu.
- Đảm bảo các dịch vụ hỗ trợ luôn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sinh viên và thị trường lao động.

Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ sinh viên định kỳ.
- Kết quả khảo sát sinh viên về mức độ hài lòng với dịch vụ hỗ trợ.
- Bảng so sánh dịch vụ hỗ trợ sinh viên với các trường khác hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Biên bản cải tiến dịch vụ sau các đợt khảo sát và rà soát.
- Kế hoạch hành động để cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học.

Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị (Facilities and Infrastructure)

Mục tiêu: Đảm bảo rằng cơ sở giáo dục có đầy đủ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ hiệu quả cho các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính. Đồng thời, tạo môi trường học tập và làm việc an toàn, thân thiện, và đáp ứng nhu cầu của tất cả các bên liên quan.

Tiêu chí 7.1. Có đủ các nguồn lực cơ sở vật chất bao gồm các trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống CNTT để vận hành CTDH.

Phân tích nội dung:

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị phải đủ số lượng, chất lượng và đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.
- Bao gồm: phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng đa phương tiện, và hệ thống CNTT.
- Các nguồn tài nguyên học tập cần đa dạng (sách in, sách điện tử, cơ sở dữ liệu học thuật...).

Minh chứng gợi ý:

- Danh mục trang thiết bị hiện có và tài nguyên học tập.
- Sơ đồ cơ sở vật chất và khuôn viên trường.
- Thống kê số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, phòng máy tính.
- Hồ sơ về năng lực hệ thống CNTT và phần mềm phục vụ giảng dạy.
- Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên và giảng viên về cơ sở vật chất.

Tiêu chí 7.2. Các phòng thí nghiệm và trang thiết bị được cập nhật, sẵn có và được sử dụng hiệu quả.

Phân tích nội dung:

- Phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị cần đáp ứng yêu cầu chuyên môn và được bảo trì định kỳ.
- Hệ thống đặt lịch sử dụng phòng thí nghiệm và thiết bị cần minh bạch và thuận tiện.
- Giảng viên và sinh viên phải được hướng dẫn đầy đủ về cách sử dụng trang thiết bị.

Minh chứng gợi ý:

- Danh mục trang thiết bị trong phòng thí nghiệm và lịch trình bảo trì.
- Hồ sơ hướng dẫn sử dụng thiết bị và quy định về an toàn phòng thí nghiệm.
- Lịch đăng ký sử dụng phòng thí nghiệm và trang thiết bị.
- Báo cáo tình trạng thiết bị và tần suất sử dụng.

Tiêu chí 7.3. Có thư viện điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về CNTT-truyền thông.

Phân tích nội dung:

- Thư viện điện tử cần cung cấp đầy đủ tài nguyên học tập: sách điện tử, tạp chí khoa học, cơ sở dữ liệu, tài liệu nghiên cứu...
- Hệ thống quản lý thư viện phải trực tuyến, dễ sử dụng và đảm bảo sinh viên có thể truy cập từ xa.
- Thư viện cần được cập nhật liên tục để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Minh chứng gợi ý:

- Thống kê tài nguyên thư viện điện tử (cơ sở dữ liệu, số lượng sách điện tử...).
- Hệ thống quản lý thư viện trực tuyến và hướng dẫn sử dụng.
- Danh mục tài nguyên học thuật và số liệu cập nhật định kỳ.
- Báo cáo về lượt truy cập và sử dụng thư viện điện tử.

Tiêu chí 7.4. Có hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu của cán bộ, GV và người học.

Phân tích nội dung:

- Hệ thống CNTT cần phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý hành chính.
- Bao gồm: hệ thống quản lý học tập (LMS), cổng thông tin sinh viên, hệ thống quản lý nhân sự và tài nguyên học tập.
- Đảm bảo tính bảo mật và khả năng mở rộng.

Minh chứng gợi ý:

- Mô tả hệ thống CNTT hiện có và chức năng của từng hệ thống.
- Thống kê số lượng người dùng và lượt truy cập hàng tháng.
- Quy trình quản lý và bảo trì hệ thống CNTT.
- Bảng khảo sát mức độ hài lòng của người dùng về hệ thống CNTT.

cmh

Tiêu chí 7.5. Cán bộ, GV và người học dễ dàng tiếp cận với hệ thống mạng và máy tính trong khuôn viên của trường để có thể khai thác tối đa CNTT phục vụ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ công đồng và quản lý hành chính.

Phân tích nội dung:

- Đảm bảo phủ sóng Wi-Fi toàn bộ khuôn viên trường và có hệ thống máy tính công cộng phục vụ sinh viên và giảng viên.
- Các phòng học, phòng thí nghiệm cần được trang bị đầy đủ hệ thống mạng và thiết bị CNTT.
- Đảm bảo tính liên tục và ổn định của hệ thống mạng trong giờ cao điểm.

Minh chứng gợi ý:

- Bản đồ phủ sóng Wi-Fi và danh sách các phòng máy tính công cộng.
- Lịch bảo trì hệ thống mạng và máy tính.
- Báo cáo thống kê số lượng người dùng truy cập mạng và hệ thống CNTT.
- Phản hồi của sinh viên và giảng viên về mức độ ổn định và khả năng truy cập mạng.

Tiêu chí 7.6. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện; có lưu ý đến các cá nhân có nhu cầu đặc biệt.

Phân tích nội dung:

- Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cộng đồng.
- Hệ thống cơ sở vật chất cần có lối đi và thiết bị hỗ trợ người khuyết tật.
- Phòng y tế và dịch vụ hỗ trợ sức khỏe sinh viên phải được trang bị đầy đủ.

Minh chứng gợi ý:

- Quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường trong trường học.
- Biên bản kiểm tra định kỳ an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.
- Hình ảnh và sơ đồ khu vực dành cho người khuyết tật (thang máy, lối đi chuyên dụng...).
- Báo cáo hoạt động phòng y tế và hỗ trợ sức khỏe sinh viên.

Tiêu chí 7.7. CSGD cung cấp môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho người học.

Phân tích nội dung:

- Tạo môi trường học tập thân thiện, có không gian xanh, khu vực sinh hoạt và nghỉ ngơi cho sinh viên.
- Đảm bảo không gian tâm lý an toàn và thoải mái, thúc đẩy sự sáng tạo và tinh thần học tập.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa và chăm sóc sức khỏe tâm lý cho sinh viên.

Minh chứng gợi ý:

- Hình ảnh và sơ đồ các khu vực sinh hoạt chung, công viên, sân chơi thể thao.
- Lịch tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chương trình giao lưu và hoạt động cộng đồng.
- Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về môi trường học tập và sinh hoạt.
- Báo cáo về các chương trình tư vấn tâm lý và chăm sóc sức khỏe sinh viên.

Tiêu chí 7.8. Năng lực của cán bộ hỗ trợ tham gia các dịch vụ liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định rõ và đánh giá nhằm đảm bảo những kỹ năng đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

Phân tích nội dung:

- Cần có đội ngũ kỹ thuật viên và cán bộ quản lý cơ sở vật chất có chuyên môn và kỹ năng phù hợp.
- Đảm bảo cán bộ thường xuyên được đào tạo và cập nhật kiến thức mới để quản lý và vận hành hiệu quả.
- Cần có hệ thống đánh giá hiệu suất làm việc và năng lực của cán bộ.

Minh chứng gợi ý:

- Hồ sơ năng lực và bằng cấp của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý cơ sở vật chất.
- Lịch đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ hỗ trợ.
- Bảng phân công nhiệm vụ và đánh giá hiệu suất làm việc.
- Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên và giảng viên về chất lượng dịch vụ hỗ trợ.

Tiêu chí 7.9. Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến.

Phân tích nội dung:

- Cần có quy trình đánh giá chất lượng cơ sở vật chất định kỳ để kịp thời khắc phục sự cố và nâng cấp trang thiết bị.
- Thực hiện khảo sát ý kiến người dùng để xác định điểm mạnh và hạn chế của cơ sở vật chất.
- Lập kế hoạch cải tiến và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất theo nhu cầu thực tế.

Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo đánh giá chất lượng cơ sở vật chất hàng năm.
- Hồ sơ về các đợt bảo trì, sửa chữa và nâng cấp thiết bị.
- Kế hoạch cải tiến cơ sở vật chất dựa trên kết quả khảo sát người dùng.
- Biên bản họp về chiến lược phát triển và đầu tư cơ sở hạ tầng.

Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đạt được (Output and Outcomes)

Mục tiêu: Đảm bảo rằng chương trình đào tạo không chỉ tập trung vào quá trình giảng dạy mà còn đánh giá kết quả đạt được của người học và hiệu quả của chương trình đào tạo. Điều này được thực hiện thông qua việc theo dõi và phân tích các chỉ số về tỷ lệ tốt nghiệp, tình hình việc làm, kết quả nghiên cứu khoa học, mức độ đạt được chuẩn đầu ra và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Dữ liệu này sẽ làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến chương trình đào tạo.

Tiêu chí 8.1. Tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Phân tích nội dung:

- Theo dõi tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình để đánh giá hiệu quả đào tạo.
- So sánh các chỉ số này với các chương trình tương đương trong và ngoài nước để có góc nhìn toàn diện.
- Dữ liệu này giúp xác định những điểm yếu trong chương trình và đưa ra kế hoạch cải tiến.

Minh chứng gợi ý:

Canh

- Báo cáo thống kê tỷ lệ đậu và tỷ lệ thôi học theo từng khóa.
- Thời gian tốt nghiệp trung bình và so sánh với thời gian đào tạo tiêu chuẩn.
- Bảng đối sánh tỷ lệ đậu và thôi học với các trường đại học khác trong khu vực.
- Kế hoạch hành động để giảm tỷ lệ thôi học và cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp.

Tiêu chí 8.2. *Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.*

Phân tích nội dung:

- Thu thập và theo dõi tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, bao gồm:
 - Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành.
 - Tỷ lệ sinh viên tự kinh doanh, khởi nghiệp.
 - Tỷ lệ sinh viên học tiếp các chương trình cao hơn.
- So sánh số liệu với các chương trình tương đương để xác định mức độ cạnh tranh và khả năng đáp ứng thị trường lao động.

Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo khảo sát tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp (6 tháng, 1 năm, 3 năm).
- Số liệu về sinh viên khởi nghiệp và tự kinh doanh.
- Danh sách sinh viên học lên cao học hoặc tham gia các chương trình học thuật quốc tế.
- Báo cáo so sánh tỷ lệ việc làm với các chương trình đào tạo tương tự trong khu vực.
- Kế hoạch cải thiện khả năng tìm việc làm và năng lực khởi nghiệp của sinh viên.

Tiêu chí 8.3. *Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do GV và người học thực hiện được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.*

Phân tích nội dung:

- Theo dõi và đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, bao gồm:
 - Số lượng bài báo khoa học, công trình nghiên cứu được công bố.
 - Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, bằng sáng chế được đăng ký.
 - Các dự án nghiên cứu cấp trường, cấp bộ và quốc tế có sự tham gia của sinh viên.
- Đối sánh với các trường trong khu vực để đánh giá năng lực nghiên cứu và có kế hoạch cải thiện.

Minh chứng gợi ý:

- Danh sách các công trình nghiên cứu khoa học và bài báo được công bố.
- Thống kê số lượng sáng chế, sản phẩm nghiên cứu và bằng sáng chế.
- Báo cáo về hoạt động nghiên cứu của sinh viên và giảng viên theo từng năm.
- Kế hoạch khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên và giảng viên.
- Báo cáo đối sánh với các trường đại học khác về năng lực nghiên cứu.

Tiêu chí 8.4. *Có dữ liệu về mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi CTĐT của người học. Dữ liệu này được thiết lập và theo dõi.*

Phân tích nội dung:

- Đánh giá mức độ đạt được **Chuẩn đầu ra (CĐR)** của sinh viên trong suốt quá trình học và khi tốt nghiệp.

Chữ ký

- Thu thập dữ liệu từ các bài kiểm tra, luận văn tốt nghiệp, đồ án, kết quả thực tập và dự án nghiên cứu.
- Theo dõi và phân tích dữ liệu để đánh giá mức độ hoàn thành CDR theo từng khóa và từng học phần.

▣ Minh chứng gợi ý:

- Bảng thống kê mức độ đạt CDR của sinh viên theo từng năm.
- Ma trận liên kết giữa kết quả học tập và các tiêu chí CDR.
- Hồ sơ luận văn, đồ án tốt nghiệp và báo cáo thực tập của sinh viên.
- Khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng CDR của sinh viên sau tốt nghiệp.
- Kế hoạch cải thiện nội dung chương trình dựa trên kết quả đạt CDR.

Tiêu chí 8.5. *Mức độ hài lòng của các bên liên quan cần được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.*

▣ Phân tích nội dung:

- Đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan bao gồm:
 - Sinh viên đang theo học.
 - Cựu sinh viên.
 - Nhà tuyển dụng.
 - Giảng viên và cán bộ quản lý.
- Dữ liệu thu thập từ khảo sát mức độ hài lòng giúp đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo và đề xuất cải tiến.

▣ Minh chứng gợi ý:

- Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.
- Thống kê mức độ hài lòng về chất lượng giảng dạy, môi trường học tập và dịch vụ hỗ trợ sinh viên.
- Bảng so sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các chương trình tương đương.
- Kế hoạch cải thiện chất lượng đào tạo dựa trên kết quả khảo sát.

IV. HƯỚNG DẪN THU THẬP, PHÂN TÍCH VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN VÀ MINH CHỨNG VÀ CẤU TRÚC BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ THEO AUN-QA 4.0

Căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể cho các thành viên của Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng trước khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

Việc thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng là một bước quan trọng trong quy trình tự đánh giá CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA 4.0. Quy trình này giúp đảm bảo tính khách quan, minh bạch và đầy đủ dữ liệu để đánh giá chính xác mức độ đáp ứng các tiêu chí chất lượng đào tạo, đồng thời tạo nền tảng để xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình.

NGUYÊN TẮC CHUNG KHI THU THẬP VÀ PHÂN TÍCH MINH CHỨNG

1. Đảm bảo tính khách quan, minh bạch và có căn cứ:

- Tất cả các minh chứng cần phản ánh chính xác thực trạng hoạt động của chương trình đào tạo.

- Mọi nhận định và đánh giá phải dựa trên dữ liệu và minh chứng rõ ràng.
- 2. Sử dụng công nghệ thông tin:**
- Khuyến khích sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu và số hóa minh chứng để thuận tiện cho việc lưu trữ, kiểm tra và đối chiếu.
 - Mã hóa và lưu trữ dữ liệu nhằm đảm bảo tính bảo mật và dễ dàng truy xuất khi cần.
- 3. Bảo vệ và lưu trữ minh chứng:**
- Lưu trữ đầy đủ và có hệ thống tất cả các minh chứng và tài liệu liên quan.
 - Đảm bảo tính bền vững của dữ liệu và khả năng truy xuất trong các đợt đánh giá sau này.
- 4. Tính hệ thống và logic:**
- Việc thu thập thông tin cần được thực hiện theo trình tự rõ ràng, bám sát từng tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn AUN-QA 4.0.
 - Đảm bảo sự liên kết giữa các minh chứng và nội dung trong Báo cáo Tự Đánh Giá (SAR).

CẤU TRÚC BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0

Báo cáo tự đánh giá (**Self-Assessment Report – SAR**) là sản phẩm cuối cùng của quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn AUN-QA 4.0. Đây là tài liệu quan trọng nhằm đánh giá thực trạng chất lượng chương trình, xác định điểm mạnh, điểm tồn tại và đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng. Báo cáo SAR cần được trình bày khách quan, trung thực và đầy đủ, tuân thủ cấu trúc và yêu cầu của AUN-QA.

PHẦN 1: GIỚI THIỆU (INTRODUCTION)

1.1. Tóm lược báo cáo tự đánh giá

- Mục tiêu và phạm vi của báo cáo SAR.
- Tổng quan quá trình thực hiện tự đánh giá.
- Tóm tắt kết quả tự đánh giá (điểm mạnh, điểm tồn tại, định hướng cải tiến).

1.2. Quá trình thực hiện TĐG

- Mô tả cách thức thực hiện quá trình tự đánh giá.
- Danh sách nhóm tự đánh giá (Self-Assessment Team - SAT) và vai trò của từng thành viên.
- Các bước tiến hành và các bên tham gia.

1.3. Mô tả tổng quan về CSGD, khoa và bộ môn

- Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục.
- Chính sách chất lượng và chiến lược phát triển dài hạn.
- Cơ cấu tổ chức và mối quan hệ giữa các đơn vị trong trường.
- Bối cảnh, môi trường hoạt động và các bên liên quan.

PHẦN 2: ĐÁNH GIÁ THEO BỘ TIÊU CHUẨN AUN-QA

Đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo theo 8 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí của AUN-QA 4.0.

Tiêu chuẩn	Nội dung đánh giá
1. Chuẩn đầu ra (ELOs)	<p>Mô tả và phân tích sự liên kết giữa sứ mệnh, mục tiêu và chuẩn đầu ra.</p> <p>Kiểm tra sự phù hợp của ELOs với nhu cầu thị trường lao động và các bên liên quan.</p>
2. Cấu trúc và nội dung chương trình	<p>Đánh giá tính logic và khả năng tích hợp của chương trình đào tạo.</p> <p>Cập nhật nội dung chương trình dựa trên xu hướng ngành nghề và phản hồi từ nhà tuyển dụng.</p>
3. Phương pháp giảng dạy và học tập	<p>Mức độ áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và lấy người học làm trung tâm.</p> <p>Cách thức khuyến khích tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng tự học.</p>
4. Đánh giá kết quả học tập của người học	<p>Kiểm tra tính minh bạch, công bằng và đa dạng trong hệ thống đánh giá.</p> <p>Phân tích hiệu quả của các phương pháp đánh giá trong việc đo lường chuẩn đầu ra.</p>
5. Đội ngũ giảng viên	<p>Đánh giá trình độ, năng lực giảng dạy và chính sách phát triển đội ngũ giảng viên.</p> <p>Mức độ tham gia nghiên cứu khoa học và đóng góp vào hoạt động cộng đồng.</p>
6. Dịch vụ hỗ trợ người học	<p>Mức độ hỗ trợ học tập, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và các hoạt động ngoại khóa.</p> <p>Hệ thống hỗ trợ sinh viên khuyết tật và sinh viên quốc tế (nếu có).</p>
7. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	<p>Kiểm tra cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.</p> <p>Đánh giá mức độ hiện đại hóa và khả năng phục vụ sinh viên.</p>
8. Đầu ra và kết quả đạt được	<p>Tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp, tỷ lệ học lên cao.</p> <p>Mức độ hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.</p> <p>Đóng góp của chương trình đối với cộng đồng và xã hội.</p>

Chinh

■ Lưu ý khi trình bày phần này:

- Phân tích mức độ đạt được của từng tiêu chí theo thang điểm 1–7 của AUN-QA.
- Đưa ra minh chứng cụ thể cho từng tiêu chí.
- Phản ánh kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên...).

PHẦN 3: PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM TỒN TẠI VÀ KẾ HOẠCH CẢI TIẾN

■ 3.1. Phân tích điểm mạnh

- Liệt kê những yếu tố mà chương trình đào tạo đang làm tốt.
- Nhấn mạnh những thành tích nổi bật và lợi thế cạnh tranh của chương trình.

■ 3.2. Phân tích điểm tồn tại

- Chỉ ra những mặt hạn chế và nguyên nhân dẫn đến những tồn tại đó.
- Phân tích tác động của những điểm yếu này đến chất lượng chương trình.

■ 3.3. Hoàn thiện bảng điểm tự đánh giá

- Sử dụng Bảng điểm TDG (Phụ lục của AUN-QA) để tổng hợp kết quả đánh giá theo từng tiêu chí.
- Đánh giá tổng thể chương trình dựa trên điểm số từng tiêu chuẩn.

■ 3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Đề xuất các giải pháp cải thiện nhằm khắc phục điểm yếu và nâng cao chất lượng chương trình.
- Đưa ra lộ trình và thời gian thực hiện cụ thể cho từng hành động cải tiến.
- Phân công trách nhiệm và xác định nguồn lực cần thiết để thực hiện.

PHẦN 4: PHỤ LỤC (APPENDICES)

■ 4.1. Danh mục thuật ngữ và từ viết tắt

- Liệt kê tất cả các thuật ngữ chuyên môn và từ viết tắt sử dụng trong báo cáo.

■ 4.2. Danh mục tài liệu và hồ sơ minh chứng

- Danh sách các tài liệu tham khảo và minh chứng đã sử dụng trong báo cáo.
- Số hóa tài liệu minh chứng (dạng PDF) và tạo liên kết trong báo cáo (nếu nộp dưới dạng điện tử).

■ 4.3. Bảng điểm TDG theo phụ lục A (AUN-QA)

- Thống kê điểm số theo từng tiêu chí và tiêu chuẩn.
- Kết quả tổng hợp chung của chương trình đào tạo.

■ 4.4. Các biểu mẫu và khảo sát

- Mẫu khảo sát sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.
- Kết quả khảo sát và báo cáo phân tích dữ liệu.

Am